



## Lửa Hoà Bình

Sơn Tùng

### Chương 7

Kế hoạch vượt biên của Lý Thành rất táo bạo. Anh ta đã chọn đúng đêm 30-4 để ra khơi, sau khi đem vợ con, bạn bè ra Vĩnh Hảo dự tiệc do Giám đốc Huỳnh Điền khoản đãi để kỷ niệm “Đại thắng Mùa xuân” và mừng nhà máy nước suối sản xuất vượt chỉ tiêu. Huỳnh Điền ngả một con bê để làm tiệc đãi tất cả công nhân viên nhà máy Vĩnh Hảo và cơ sở phân phối nước suối ở Sài-Gòn. Lý Thành đã lợi dụng dịp này để ra khơi vì có lý do đưa nhiều người ra Vĩnh Hảo mà không bị nghi ngờ. Ngoài ra, đây còn là thời gian bề yên sóng lặng nhất trong năm trên vùng Biển Đông. Thêm vào đó, Công an và Biên phòng sẽ lơ là trong việc canh gác vì bận liên hoan, tiệc tùng. Giờ chót Lý Thành còn được tin sẽ có một buổi chiếu bóng ngoài trời tại xã Vĩnh Hảo với cuốn phim tình báo Tiệp Khắc “Trên từng cây số” mà chắc chắn bọn công an sẽ tụ tập để xem tới khuya.

Lý Thành quyết định sẽ “đánh” sau khi dự tiệc tại nhà máy nước suối và trước khi vẫn buổi chiếu bóng. Anh ta cũng cảm thấy áy náy cho cảnh ngộ của Huỳnh Điền trước việc sáng mai thức dậy, tất cả các người khách quý từ Sài Gòn ra đã biến mất trong đêm tối, không một lời từ biệt. Đây không phải là cách cư xử của những người tử tế, có văn hóa. Nhưng, xã hội này đã biến thành vô văn hóa và hầu như không còn ai tử tế với ai. Các nguyên tắc đạo lý được mọi người tự ý miễn trừ, coi như đang bị đày ải trong một trại tù mà người ta có quyền làm mọi điều để thoát ra. Hay từ trong thâm tâm, người dân miền Nam vẫn phân biệt bạn thù, và có lối cư xử khác đối với kẻ thù. Vì vậy, Lý Thành, một con người rất biết điều, rất biết cư xử, đã âm thầm đánh lừa Huỳnh Điền, một ân nhân của mình, để tổ chức một cuộc vượt biên trước mũi của y. Huỳnh Điền không hay biết gì cả, bận rộn tổ chức liên hoan chiêu đãi lớn hơn mấy năm trước vì vừa xây cất xong một nhà sinh hoạt cho công nhân viên nhà máy, với một hội trường đủ chỗ cho hai trăm người và một phòng đọc sách ở trên lầu. Ông ta rất hãnh diện với thành tích ấy, và lại nuôi được một bầy bò sáu con để bồi dưỡng cho công nhân viên. Trong cảnh bế tắc và suy sụp của nền kinh tế “quá độ” trên toàn quốc, nhà máy nước suối Vĩnh Hảo là một trong số rất ít cơ sở sản xuất còn tiếp tục hoạt động thu lợi, nhờ nước suối là một sản phẩm thiên nhiên, và cũng do tài xoay xở của Huỳnh Điền.

Khi còn chiến tranh, nước suối Vĩnh Hảo là một xí nghiệp nhỏ nằm trong một vùng mất an ninh của tỉnh Phan Thiết, chỉ hoạt động cầm chừng và bị các loại nước suối nhập cảng đánh bật trên thị trường tiêu thụ. Khi Huỳnh Điền tới tiếp thu, nhà máy đang đóng cửa, chủ nhân bị kết tội “tư sản mại bản” phản động và bị bắt giam. Các nhân viên lâu năm người địa phương cố giúp phục hồi nhà máy nhưng không thể sản xuất, dù nước suối có sẵn dưới giếng để được bơm lên. Huỳnh Điền được công nhân cho biết muốn làm thành một chai nước suối để cung cấp cho thị trường, còn cần phải có chai, có nắp khoén, cần có hơi CO<sub>2</sub> để nước suối xủi bọt khi mở ra, và cũng được các công nhân chỉ vẽ nên vào Sài Gòn tìm Lý Thành, thay vì báo cáo cho Bộ Công Nghiệp Nhẹ ở Hà-Nội. Hơn ai hết, Huỳnh Điền biết rằng Đảng có rất nhiều AK- 47, B- 40... nhưng không có chai, nắp khoén... và không biết gì về việc sản xuất nước suối. Khi ấy, Lý Thành đang thất nghiệp ở Chợ Lớn và được Ủy ban Nhân dân phường khuyến khích đưa vợ con đi vùng kinh tế mới. Được đồng chí giám đốc nhà máy nước suối Vĩnh Hảo ngồi ô-tô con hiệu Peugeot 404 bất ngờ tới thăm và mời hợp tác làm ăn, Lý Thành có cảm tưởng như đã gặp một ông tiên với cây đũa thần trong truyện cổ tích. Ngay ngày hôm sau, anh ta đã chễm chệ ngồi xe cơ quan nhà nước với cán bộ cách mạng ra Phan Thiết mà không cần xin phép công an. Và chỉ trong vòng hai tuần lễ, cái máy đóng chai nước suối già 20 năm lại tiếp tục sản xuất mà chính Lý Thành nắm quyền phân phối đi toàn quốc.

Dĩ nhiên là đồng chí Huỳnh Điền rất hãnh diện báo cáo lên thượng cấp thành tích khắc phục khó khăn của mình, và đã được nhiệt liệt khen thưởng. Lý Thành cũng rất vui mừng vì không những khỏi bị đi vùng kinh tế mới mà còn có công ăn việc làm, kiếm ra tiền, và được làm bạn với cán bộ cách mạng. Anh ta tặng Huỳnh Điền một chiếc xe Honda gắn máy, và được tin cậy như người trong nhà. Lý Thành rất khôn ngoan. Anh ta đầu tư vào tình bạn với Huỳnh Điền hơn là tiêu xài tình bạn ấy. Anh ta để Huỳnh Điền mắc nợ mình hơn là lợi dụng hay nhờ cậy những việc không đáng nhờ.

Huỳnh Điền đã ngoài 50 tuổi nhưng vẫn còn độc thân, và sống trong một căn phòng ở ngay tại khu vực nhà

máy. Đôi khi trong lúc nói chuyện tâm tình với Lý Thành, Huỳnh Điền thú thật chưa học hết “lớp ba trường làng” vì nhà rất nghèo, và nhờ theo cách mạng mà có ngày hôm nay. Ông ta đã bỏ một làng quê thuộc tỉnh Bình Định vào Sài-Gòn làm công kiếm sống và đã được móc nối vào Đảng từ năm 16 tuổi, đã sống sót qua hai cuộc chiến tranh với quân hàm thượng úy. Huỳnh Điền được cử tiếp thu nhà máy nước suối Vĩnh Hảo có lẽ vì số kỹ sư ít ỏi ở miền Bắc không đủ để cung cấp cho cái xí nghiệp nhỏ ở nơi khi ho cò gáy ấy, và có lẽ cũng vì Huỳnh Điền có chút kinh nghiệm về sản xuất nhờ trước kia có súc chai ở nhà máy bia tại Sài-Gòn và có làm việc tại xí nghiệp thuốc lá Thăng Long ở Hà-Nội một thời gian khi tập kết ra Bắc. Chính Huỳnh Điền cũng cười, thú thật với Lý Thành “chẳng biết mô tê gì cả” về nước suối, nói gì đến điều khiển một nhà máy sản xuất nước suối. Nhưng Đảng chỉ đâu thì đánh đấy.

Thật ra, Lý Thành cũng cảm thấy có một tình bạn nảy nở với Huỳnh Điền nhưng đồng thời anh ta vẫn thấy rõ bức tường ngăn cách giữa hai người, mặc dù nó vô hình. Lý Thành linh cảm việc hợp tác làm ăn với cách mạng sẽ không kéo dài và chiếc máy đóng chai nước suối nhập cảng từ Tây Đức năm 1956 đang chạy ì-ạch không biết sẽ nằm liệt lúc nào. Vì vậy, sau khi tổ chức ra đi “bán chính thức” thất bại, Lý Thành đã quyết định lợi dụng lòng tin của Huỳnh Điền để âm mưu một cuộc “đi chui”. Anh ta đã móc nối được với một người có chiếc ghe đánh cá ở Phan Rang – một chiếc ghe gỗ dài 15 thước có gắn máy Yanmar “ba đầu bạc” có thể chạy tới Phi Luật Tân. Hàng ngày, chiếc ghe này vẫn được đi biển đánh cá nhưng chỉ được cung cấp dầu đủ chạy trong một ngày và bị kiểm soát chặt chẽ mỗi khi ra khơi mà chỉ có các ngư phủ được phép lên tàu. Muốn dùng chiếc tàu này để vượt biên sẽ phải có một kế hoạch với những chi tiết tỉ mỉ mà quan trọng nhất là một bãi đáp bí mật để chôn dầu và bốc khách. Sau mấy tháng nghiên cứu, Lý Thành đã chọn cái bờ biển được gọi là Vực Sứt ở ngay trước mặt nhà máy nước suối để làm bãi đáp.

Điểm lợi của Vực Sứt là nó vắng vẻ, xa các xóm nhà, ít người lui tới và chưa có ai dùng nơi này để làm bãi đáp, có lẽ vì nó nằm khá xa quốc lộ và đường ra bờ biển khó khăn, phải đi bộ khoảng một cây số băng qua một khu rừng cây thấp. Nhưng đây lại chính là yếu tố khiến Lý Thành chọn địa điểm này vì không ai ngờ, nó lại không xa với nhà máy nước suối và anh ta đã thuộc đường sau vài lần giả vờ ra tắm biển. Lê Sang, người chủ chiếc ghe đánh cá, đồng ý với kế hoạch của Lý Thành, kể cả ngày giờ xuất quân. Thế là kế hoạch được âm thầm tiến hành.

Ngày 29- 4, Lý Thành đưa vợ con và khách Sài Gòn ra Vĩnh Hảo, gồm có gia đình Lâm và một số người bạn thân đã quyết tâm làm một chuyến ra đi không bao giờ trở lại. Họ được Huỳnh Điền tiếp đón niềm nở và không nghi ngờ gì về sự có mặt của mấy đứa trẻ, khi Lý Thành giải thích:

- Mấy đứa nhỏ muốn nhân dịp này để được tắm nước suối. Để gì, trước đây chỉ có các quan lớn mới được vô đây ngâm mình trong nước suối Vĩnh Hảo. Bây giờ đứng là nhân dân làm chủ.

Huỳnh Điền đáp lại bằng một cái cười hãnh diện, phờ ra mấy chiếc răng vàng mới làm. Hồ tắm nước suối nằm về phía trái trong khu vực nhà máy từ cổng vào, và được lót gạch men như hồ bơi của một nhà giàu, nhưng đây là một bể bơi duy nhất tại Việt Nam với nước suối khoáng chất thiên nhiên ấm khoảng 40 độ được bơm thẳng từ mạch ngầm dưới lòng đất lên. Ngâm mình trong hồ, người ta cảm thấy sáng khoái, phục hồi sinh lực và nghe đồn chữa được bệnh phong thấp. Ngoài bể bơi lộ thiên còn có mấy phòng tắm riêng biệt với bồn chứa nước suối để ngâm mình hàng giờ cho cơ thể được mơn trớn với làn nước ấm và khoáng chất thấm sâu vào những tế bào. Quả thật trước đây, ngoài công nhân viên nhà máy, chỉ có vua chúa, quan quyền mới được ngâm mình trong hồ tắm ở nhà máy nước suối Vĩnh Hảo, nên đám thuyền nhân tương lai đã không bỏ lỡ cơ hội thưởng thức thú tắm nước suối để tăng cường sinh lực trước khi mạo hiểm làm một cuộc viễn du đi tìm tự do.

Mấy đứa trẻ thích thú vừa tắm vừa chơi đùa trong hồ nước suối mà không biết rằng đêm mai chúng sẽ bỏ đất nước này để ra đi vào một nơi vô định. Người lớn thì ngâm mình trong những bồn nước suối, thả hồn theo giấc mơ tự do pha lẫn những băn khoăn mà cuộc vượt biên đang chờ đợi họ. Riêng Nhan đã không xua đuổi nỗi ra khỏi đầu những hình ảnh khiếp đảm của cuộc vượt biên thất bại mà cô đã đưa hai đứa con ra đi với Thái. Sau chuyến đi kinh hoàng ấy, Nhan đã sợ hãi không dám nghĩ đến chuyện vượt biên nữa, nhưng cô không còn nơi nào để sống trên đất nước này và không có khả năng để quyết định làm một điều gì khác, ngoài việc ngoan ngoãn đi theo chồng. Lâm không khác nào một cứu tinh đã xuất hiện đúng lúc để cứu ba mẹ con Nhan ra khỏi đường cùng, nhưng cô cũng nhận thấy rõ đã có một xa cách không thể lấp đầy giữa hai người. Cô bị ám ảnh, dày vò nặng nề về việc ăn ở với Thái và về cái chết của Thái, dù Lâm tỏ ra rất hiểu biết và không bao giờ nhắc lại giai đoạn ấy trong cuộc đời của Nhan. Cô thường tránh, không dám nhìn thẳng vào mắt chồng vì bị đè nặng bởi mặc cảm có tội.

Ngâm mình trong bồn nước suối ấm, Nhàn cảm thấy thật dễ chịu và ước gì được nằm đây mãi, trong bốn bức tường phòng tắm nhỏ bé này, trút bỏ mọi thứ trên người, thoát khỏi những bi lụy của cuộc đời quá nhiều bão tố. Cô lim dim mắt mơ màng thả hồn theo những ý nghĩ mộng lung. “*Phải chăng ta đang có thứ tự do tuyệt đối trên đất nước đọa đầy khi trốn vào căn phòng nhỏ hẹp này, với làn nước trong xanh ấm áp, với thân thể trần truồng, thoát khỏi mọi áp bức, tàn bạo... Và, ngày mai xuống thuyền ra khơi với bao bắt trạch, ta sẽ có thứ tự do nào? Ôi, Tự Do! Mi là gì? Hình thù mi ra sao?...*” Nhàn mơ trốn thân thể mình trong làn nước ấm, nhưng cô không cảm thấy những rạo rức trên làn da đáng lẽ còn phải tràn đầy sức sống ở tuổi gần bốn mươi. Đường như mọi tế bào đang chai lạnh dần sau cái chết của Thái. Từ ngày trở lại sống với Lâm, mỗi khi ăn nằm với nhau Nhàn chỉ coi như một hành động chiều chồng. Cô không cảm thấy thích thú trong việc chăn gối mà cô nghĩ rằng mình đang đi dần đến tình trạng lãnh cảm. Nhàn lo sợ nghĩ đến cuộc sống chung với Lâm trong những ngày còn lại trên đất lạ quê người, nếu may mắn đi thoát.

Đã có quá nhiều biến động xảy đến với gia đình nhỏ bé của Nhàn từ ngày được gọi là hòa bình. Nhàn tự hỏi việc trở về của Lâm, cái chết của Thái, phải chăng là sự sắp xếp của một bàn tay vô hình nào đó cho một câu chuyện “*gương vỡ lại lành*”, mở đầu cho một cuộc đời khác trên một đất nước khác tốt đẹp hơn; hay cũng chỉ là khởi sự cho một thảm kịch khác? Nhàn sợ hãi và thảm khản nguyện cho việc ra đi được bình an. Thật ra, Nhàn không lo sợ nhiều cho bản thân mình. Nếu phải chết trong cuộc vượt biên gian truân này, cô cũng không có điều gì phải ân hận. Nhưng hai đứa con là những báu vật mà cô đã quyết định đưa chúng vào một cuộc mạo hiểm may ít rủi nhiều. Nếu có sự bất hạnh nào xảy ra cho những đứa trẻ ngây thơ này, ai là người chịu trách nhiệm? Cha mẹ chúng, hay những kẻ đã tạo ra tấn bi kịch cho cả dân tộc này? Nhàn nghĩ đến mấy triệu người đã chết trong cuộc chiến dài gần ba thập niên, đến hàng trăm ngàn người đã bỏ xác trong lòng biển, trên rừng sâu, sau khi chiến tranh chấm dứt. Đây không phải là những bi kịch cá nhân mà là bi kịch của một dân tộc. Một bi kịch rất dài và chưa có màn chót. Cả một dân tộc đang là những con chuột để thí nghiệm cho một học thuyết viển vông được du nhập bởi những tên học trò ngu dốt nhưng quý quái và điên.

Trên đường từ Sài Gòn ra Phan Thiết, Nhàn đã được nghe những câu chuyện của từng người đồng hành trên xe. Những câu chuyện khác nhau, nhưng họ đều giống nhau một điều: bỏ lại tất cả gia tài, của cải để đi tìm tự do trong gian nguy. Tự do quý hơn tài sản, hơn sự an toàn. Người duy nhất trên xe không nói gì là Phượng, nhưng Nhàn đã biết rõ tấn bi kịch của cô gái này do Lâm kể lại trước ngày ra đi và muốn Nhàn coi như người trong gia đình. Lâm không yêu cầu thì Nhàn cũng đã thực sự coi Phượng như người ruột thịt khi gặp nhau lần đầu và nghe Phượng nói:

- Cuộc đời của cháu đã mất rồi, cô ạ. Cháu ra đi là vì người khác.

Đêm hôm ấy, mọi người ngủ trong căn nhà nằm bên ngoài nhà máy do Lý Thành xây cất dưới danh nghĩa là cơ sở của “*Tổ Sản xuất Cát Lồi*”, một phó sản của nước suối Vĩnh Hảo, được phép hoạt động do sự đỡ đầu của Huỳnh Điền. Công an địa phương không kiểm soát những người tới lui căn nhà này vì nó nằm trong khu vực xí nghiệp Nước Suối Vĩnh Hảo, và Huỳnh Điền không bao giờ thắc mắc về những người từ Sài Gòn ra mà Lý Thành giới thiệu là tổ viên Tổ Sản Xuất Cát Lồi. Hôm nay Huỳnh Điền càng không thắc mắc vì họ là khách được ông ta mời và càng không thể ngờ đây là đêm cuối cùng của họ trên đất nước này.

Tối 30- 4, sau mấy ngày bận rộn tổ chức tiệc tùng, Huỳnh Điền đi ngủ sớm. Lý Thành nói cho bảo vệ nhà máy biết sẽ chở những người khách Sài Gòn ra xã Vĩnh Hảo xem chiếu bóng. Tới giờ xuất quân, mọi người lên hai chiếc xe vận tải nhẹ của cơ sở phân phối nước suối chạy ra Quốc lộ 1, quẹo trái về phía xã Vĩnh Hảo, nhưng đi được một đoạn thì rẽ vào con đường mòn đưa xuống Vực Sút. Lý Thành lái chiếc xe đi trước, Lâm lái chiếc xe kia thận trọng theo sau. Tới đoạn đường không còn dùng xe được, họ giấu hai chiếc xe vào một lùm cây, gỡ bỏ bảng số để công an mất đầu mỗi điều tra, và mọi người xuống xe đi bộ. Trời đêm tối đen không trăng sao. Đoàn người mò mẫm đi, người nọ sau người kia. Đàn ông xách những thùng đựng nước ngọt và thực phẩm ăn đường, phụ nữ dắt hay bồng bế trẻ em. Đường dốc và khó đi, có người trượt ngã nhưng không một tiếng kêu la. Mọi người đều im lặng bước đi như những bóng ma. Mặt biển mênh mông đen ngòm hiện ra lơ mờ trước mặt không làm những người đi tìm tự do sợ hãi nhưng lại có sức quyến rũ mãnh liệt khiến họ háng hái thêm.

Tới gần bờ biển, Lý Thành dừng lại và chỉ dẫn cho mọi người ẩn núp vào những lùm cây rồi lấy ra một chiếc đèn pin, hướng ra bờ biển bấm hai chớp ngắn và hai chớp dài. Từ một lùm cây cách đó không xa có ánh đèn pin đáp lại bằng hai chớp dài rồi hai chớp ngắn – mật hiệu đã đồng ý trước để nhận ra nhau. Đây là toán khách người địa phương, trong đó có vợ con Lê Sang, chủ tàu. Lý Thành nhanh nhẹn tới gặp những người



này rồi huy động vài người đàn ông khỏe mạnh đi lấy dầu. Mấy tuần trước, anh ta đã chờ lúc vắng người chôn giấu dần mười hai can dầu trong những bụi cây kín đáo. Theo kế hoạch, dầu phải được đào lên sẵn sàng trước khi tàu đến để có thể ra khơi nhanh chóng. Mọi việc có vẻ diễn ra lớp lang đúng theo kế hoạch. Nhưng không mấy chốc, Lý Thành đã phát hiện một điều khủng khiếp. Tất cả những thùng dầu mà anh chôn giấu đã biến mất. Anh ta cảm thấy hai bàn chân như nặng ngàn cân, không xê dịch được, còn thân thể thì nhẹ như hơi và đã bay vào không khí cùng với cái đầu rỗng không. Anh ta chỉ kêu lên được hai tiếng “Trời ơi!” rồi không biết nói gì thêm.

Lâm bình tĩnh hơn, hỏi:

– Anh có chắc đã chôn ở đây không? Có thể trời tối mình làm chỗ chằng?

– Không. Không làm được. – Lý Thành trả lời, giọng lạc hẳn đi. – Tôi có làm dấu đây này.

Lý Thành chiếu đèn bấm vào một cành cây được bẻ gãy để làm dấu, và lắc đầu một cách tuyệt vọng:

– Tiêu hết rồi! Cách đây vài ngày tôi có kiểm soát, chúng còn đây... Bây giờ... không những mất dầu không đi được mà còn có thể bị “bể”, công an tới hốt hết ngay bây giờ nếu không rút lui cho lẹ...

Tuy nói vậy, Lý Thành cùng mọi người vẫn còn đứng yên tại chỗ, chưa biết hành động ra sao. Bỗng, không biết từ đâu, một thằng bé xuất hiện trước mắt mọi người.

– Bọn chần bò lấy dầu của các chú đem bán rồi.

Mọi người dương mắt nhìn thằng bé khoảng hơn mười tuổi với chiếc quần xà-lỏn và chiếc áo thun sờn rách trên tấm thân gầy còm. Không ai biết phản ứng ra sao, và cũng không hiểu thằng bé có mặt tại đây với mục đích gì. Dường như thấy đã đến lúc giải đáp thắc mắc của đám người đi vượt biên, nó đưa đề nghị:

– Cháu đã đem giấu chỗ khác được năm can dầu. Các chú cho cháu đi thì cháu chỉ.

Lý Thành nghiêng rặng, gầm gừ:

– Năm can dầu thì đi tới đâu?

Thằng bé làm ra vẻ thành thạo:

– Ba can người ta cũng đi được. Cứ ra đến hải phận quốc tế là có tàu vớt mà.

Mọi người im lặng suy nghĩ. Đã ra tới đây, không ai muốn trở về, và trở về cũng không phải là không nguy hiểm. Nhưng ra khơi với năm can dầu là một mạo hiểm liều lĩnh. Thằng bé thúc giục:

– Các chú chịu không? Ở đây lâu coi chừng công an tới bắt cả đám. Phải lấy dầu lên sẵn sàng, “cá lớn” tới là đi ngay. Cháu không đánh lừa các chú đâu. Tên cháu là Bảy Tèo. Nếu cháu nói dối, các chú ném cháu xuống biển...

Bảy Tèo chưa nói hết, chợt dừng lại vênh tai nghe.

– Thấy chưa, các chú có nghe tiếng máy tàu không?

Quả thật có tiếng động cơ từ ngoài khơi vọng vào. Lý Thành hướng đèn bấm ra biển làm mật hiệu và nói với Lâm:

– Hay mình cứ lấy dầu lên rồi bàn lại với chủ tàu?

Lâm gạt đầu, quay sang nói với Bảy Tèo:

– Được rồi. Cho chú mày đi. Dầu đâu?

Bảy Tèo đi trước:

– Cháu phải giấu khá xa, không thì chúng nó tìm ra.

Lý Thành ở lại để hướng dẫn tàu vào bến. Những người khác đi theo thằng bé lấy dầu. Nó đi thoăn thoắt, những người khác cố bám theo. Khi họ lấy được năm can dầu vác trở lại bãi thì chiếc tàu đánh cá cũng vừa dừng lại ngoài xa, không dám vào gần bờ, sợ mắc cạn. Họ phải lội trong nước biển lên đến ngang ngực để ra tàu. Lê Sang, người chủ tàu có gương mặt chữ điền xạm đen, thờ dài khi nghe tin chỉ có năm can dầu để đi vượt biên:

– Đành phó mặc cho trời chứ biết sao. Giờ này chưa thấy tôi về và vợ con lại biến mất, bọn công an đã biết rồi. Tôi trở về chỉ để đi tù và mất tàu.

Thế là họ ra đi trong đêm tối. Một chiếc thuyền gỗ với năm can dầu vượt biển khơi đi tìm tự do. Tin tưởng ở ý trời và ở tình người của phần nhân loại may mắn hơn. Trên tàu có tất cả 44 người. Đàn ông. Đàn bà. Cụ già. Trẻ em. Trí thức. Bình dân. Và thằng bé Bảy Tèo, không biết con cái nhà ai. Tất cả đều chen nhau, ngồi thu mình dưới hầm tàu để tránh bị lộ nếu gặp tàu biên phòng. Họ bị nhốt trong khoang con tàu nhỏ, nhưng cảm thấy như những con chim được tháo cũi sổ lồng. Họ hít thở không khí hôi tanh mùi cá dưới hầm tàu chật chội mà tưởng như không gian lồng lộng của tự do.

Lê Sang mở hết tốc lực chạy về hướng đông. Vài tiếng đồng hồ sau, mặt trời nhô lên khỏi chân trời trên đại

dương mệnh mông. Mặt trời của ngày tự do đầu tiên đẹp vô cùng. Mọi người xô nhau chui ra khỏi hầm tàu để nhìn ngắm. Lê Sang la lớn:

– Bà con ráng ở yên dưới đó. Chưa ra tới hải phận quốc tế đâu.

Tàu tiếp tục chạy trên mặt biển phẳng lặng, không có bóng một con tàu nào khác. Mọi người vui mừng vì coi như đã thoát, không bị bắt lại. Tàu tiếp tục chạy suốt ngày cũng chỉ có trời và nước. Một tự do không bến bờ! Trước khi mặt trời lặn, Lê Sang nói với Lâm:

– Bây giờ ông lái đi. Tôi hết biết đường rồi. – Và, anh ta chõ mồm xuống cửa hầm tàu la lớn – Bà con nào chịu được gió thì có thể lên trên này được rồi. Tự do rồi! Không sợ Việt cộng nữa!

Có nhiều tiếng vỗ tay, tiếng cười và tiếng hoan hô. Một số người theo nhau chui lên khỏi hầm tàu, ngồi nhìn ngắm cảnh hoàng hôn trên biển cả. Họ có những cảm giác kỳ lạ. Một phi hành gia lơ lửng giữa vũ trụ còn lệ thuộc vào một cái gì – một chấm nhỏ quê hương trên quả đất đang quay cách xa hàng vạn dặm. Những thuyền nhân này không thuộc vào một cái gì cả. Quê hương mà họ đã rời bỏ không còn chấp nhận họ, và với thế giới chung quanh, họ là những kẻ hoàn toàn xa lạ, không đâu là nhà. Cảm xúc con người như bị đốt bùng lên giữa nỗi vui mừng và nỗi lo sợ ập đến cùng một lúc. Họ nhận thức rõ rệt sự nhỏ bé mong manh của thân phận mình giữa cảnh trời nước bao la. Phụ nữ bắt đầu cầu nguyện. Kẻ lùn trắng hạt, người cầm thánh giá.

Lâm xem hải bàn, điều chỉnh tàu chạy về hướng đông nam, hướng anh tin là bờ biển Phi Luật Tân. Nửa đêm, một chùm sáng xuất hiện trên mặt biển tối đen. Qua ống nhòm, Lâm thấy một con tàu đang lớn dần ở cuối chân trời. Anh mừng rỡ báo cho mọi người biết và đổi hướng chiếc thuyền gỗ chạy về phía con tàu. Máy chụp người cùng reo hò, chen nhau nhìn về hướng chùm ánh sáng trong màn đêm mịt mù. Người ta có cảm giác đang sống trong một giấc mộng, hay một truyện cổ tích với đoạn kết thần tiên. Chùm ánh sáng lớn dần trong đêm nhưng cho đến lúc bình minh người ta mới có thể nhìn thấy con tàu bằng mắt thật, và tới giữa trưa mới tới gần đủ để nhìn thấy tên chiếc tàu và những lá cờ treo trên tháp. Rồi một hàng người đứng trên boong nhìn về phía chiếc thuyền của những người tị nạn. Có lẽ họ ngạc nhiên về sự xuất hiện của chiếc thuyền gỗ tí hon này giữa đại dương.

Từ chiếc thuyền nhỏ nhìn lên, chiếc tàu trông vĩ đại như cả một thành phố làm bằng sắt thép. Nó tạo nên những đợt sóng mạnh ở phía sau và hai bên khiến con thuyền nhỏ chòng chành. Nó đi thẳng về hướng đông, bỏ mặc những thuyền nhân vừa rời rít vẫy tay vừa kêu gào tuyệt vọng. Đêm hôm ấy và ngày hôm sau, có năm chiếc tàu nữa đi qua, nhưng không chiếc nào dừng lại để tiếp cứu những người tị nạn. Có chiếc chạy ngang thật gần, đủ để thấy rõ những phụ nữ và trẻ em đang kêu cứu, khóc lóc, và vái lạy nữa trên chiếc thuyền gỗ mong manh. Từ trên boong chiếc tàu sắt to lớn có vài người đưa máy ảnh lên chụp trong lúc con tàu tiếp tục chạy qua. Những chiếc thuyền này đang trên đường hải hành từ Tây Âu sang Nhật hoặc Nam Hàn. Chúng không dừng lại để cứu những người đang gặp nguy hiểm trên biển cả có lẽ vì những người trên tàu đã biết về làn sóng người Việt Nam vượt biển ra đi tị nạn và những chiếc tàu cứu vớt họ đã gặp rắc rối khi cập bến. Người tị nạn là những món hàng vô giá trị và mang theo phiền nhiễu, vi trùng độc hại, không ai muốn nhận.



Những người đi tìm tự do và tình thương nhân loại trên con thuyền gỗ mong manh chỉ nhận ra điều ấy khi đã quá muộn. Họ không còn dầu để tiếp tục đi xa hơn, và thực phẩm, nước uống cũng cạn dần dù bị hạn chế gắt gao. Mọi người bắt đầu sợ hãi trước cái chết khủng khiếp không tránh khỏi giữa biển khơi. Họ không biết làm gì hơn là cầu nguyện, vợ xích lại gần chồng, cha mẹ ôm lấy con cái. Chờ đợi. Chờ đợi thần chết, hay một phép lạ? Họ chỉ cử động và nói khi cần thiết để tiết kiệm năng lượng, và tránh làm mất nước trong cơ thể. Người ta sẽ chết khô trên một biển nước mệnh mông. Hình ảnh ấy là một ám ảnh khủng khiếp của mọi người.

Lê Sang, Lý Thành và Huỳnh Lâm ngồi ở mũi tàu, bàn nhau tìm cách tránh khỏi cái chết ghê rợn ấy. Lâm đề nghị:

– Nếu gặp một chiếc tàu nữa, tôi sẽ nhảy xuống biển bơi tới nó. Hy vọng những người trên tàu sẽ vớt tôi, và tôi sẽ thuyết phục họ cứu mọi người, hay cùng lắm thì cũng cho dầu để mình tiếp tục đi.

Lý Thành hỏi:

– Nếu họ không vớt anh?

Lâm lúng túng:

– Ờ... ờ... không lẽ vô nhân đạo đến như vậy... Nhưng dù sao cũng phải thử... Chẳng lẽ ngồi đây chờ chết?

Ba người cùng im lặng. Câu trả lời của Lâm cho thấy số phận bi thảm của mọi người. Mặt trời đang lặn. Mặt trời đỏ. Bầu trời màu đỏ. Nước biển cũng biến thành đỏ. Con thuyền chòng chành, lắc lư như một chiếc lá sẵn sàng lật úp bất cứ lúc nào. Cảnh hoàng hôn trên biển cả ngày mới ra đi đẹp bao nhiêu, hôm nay trông rùng rợn bấy nhiêu. Mọi người chỉ ước mong được ở một nơi nào khác.

– Hay là gom quần áo cây ván lại, khi gặp tàu nữa mình đốt lên kêu cứu? – Lý Thành nói nhỏ.

Không có tiếng đáp lại. Họ nhìn rõ sự tuyệt vọng trong mắt nhau. Họ không tin đốt lửa hay bơi sang tàu sắt sẽ làm thay đổi trái tim con người. Họ đã phạm một lỗi lầm chết người khi liều lĩnh ra khơi dù biết không đủ dầu để tới nơi định đến – vì mang ảo tưởng về trái tim con người.

Lâm chui xuống hầm gặp vợ con lần cuối cùng. Nhìn nhìn Lâm với đôi mắt trống rỗng mà anh chưa thấy bao giờ. Lâm đã nhiều lần cọ sát với cái chết ngoài chiến trường nhưng đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy nỗi sợ hãi trong đôi mắt của một người thân trước cái chết đang đến từ từ. Nhưng, Nhìn sợ hãi trước cái chết của hai đứa con hơn là của chính mình. Ba mẹ con ngồi sát bên nhau như tìm sự che chở lẫn nhau, không nói một lời. Một ý nghĩ khủng khiếp chợt đến trong óc Lâm: ba mẹ con sẽ ôm nhau chặt hơn nữa khi cùng nhau chìm xuống đáy biển. Bỗng có tiếng kêu khóc của một người đàn bà từ trong một góc:

– Ông ơi, tại sao không đủ dầu mà các ông cũng đi để đưa cả lũ vào chỗ chết như thế này?

Mọi người nhón nháo. Khóc lóc. Kêu la. Lâm nói lớn để át giọng mọi người:

– Tình thế chưa phải là tuyệt vọng. Ngày mai sẽ còn gặp nhiều tàu nữa. Thế nào cũng có chiếc vớt chúng ta. Xin bà con bình tĩnh. Kêu khóc không ích lợi gì cả.

Quả thật sáng hôm sau có hai chiếc tàu nữa xuất hiện nhưng cả hai đều đi thẳng, dù những người trên chiếc thuyền nhỏ đã nổi lửa làm khói cầu cứu. Gần cuối ngày, một chiếc tàu nữa lại xuất hiện. Khi nó chạy cách chiếc thuyền gỗ khoảng ba trăm mét, trong lúc những người khác lại lo đốt quần áo, Lâm cởi bỏ chiếc áo sơ-mi và cái quần dài rồi nhảy xuống biển bơi về phía chiếc tàu sắt. Những người trên chiếc thuyền gỗ đứng nhìn theo Lâm ngụp lặn, cố chống chọi với những đợt sóng để tới gần chiếc tàu. Nhưng Lâm càng cố bơi thì chiếc tàu càng đi xa và sóng càng lớn. Lâm vẫn cố bơi theo trong lúc khoảng cách với chiếc tàu càng xa hơn cho đến lúc anh mất hút trên mặt biển trước sự hãi hùng của những người đứng nhìn theo. Lý Thành quay mặt lại, chợt nhận ra thẳng Bảy Tèo đứng phía sau, anh ta túm lấy nó, gầm gừ:

– Cũng tại mày. Không có mày với năm can dầu thì chúng tao đã ở lại.

Thằng bé vận mình, ú ớ cố thoát khỏi hai bàn tay Lý Thành đang siết quanh cổ nó trong cơn điên loạn. Khi anh ta buông nó ra thì thân mình nó mềm nhũn. Hết thở. Lý Thành ngồi phịch xuống sàn tàu, đưa hai tay ôm đầu.

Từ phút ấy, chiếc thuyền gỗ của nhóm người tị nạn thực sự trở thành một địa ngục nổi trên mặt biển. Thức ăn hết, nước ngọt không còn. Để sống sót, người ta đã phải uống nước tiểu của chính mình và ăn thịt người nào chết trước...

Mười ngày sau, thuyền trưởng Ron Miller của chiếc tàu Pacific Explorer nhận ra chiếc thuyền gỗ trôi nổi trên mặt biển, ông cho tàu bỏ neo từ xa và thả xuống một chiếc xuồng nhỏ với ba thủy thủ tới xem xét chiếc thuyền. Ba người này bị một phen khiếp đảm trước những gì họ đã chứng kiến. Họ không biết có bao nhiêu người sống sót, vì tất cả đều nằm liệt, thân mình lờ lói, và một số đã hôn mê. Xác một thiếu niên bị lóc thịt gần hết bỏ trong phòng lái. Một đứa bé thở thoi thóp trong lòng người mẹ, miệng còn ngậm một ngón tay với những vết máu khô của người đàn bà đã chết. Một mùi hôi thối nồng nặc không chịu nổi xông lên khiến các thủy thủ phải nôn ọe. Họ trở xuống chiếc xuồng, gọi máy báo cáo với Miller. Ông ta liền phái hai y tá và một toán thủy thủ đem theo thuốc men tới cứu những người còn sống đem về tàu. Chiếc thuyền gỗ với những xác người chết được rưới xăng thiêu hủy trên biển.